

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2023

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2022-2023
Khoa: ĐIỆN - ĐIỆN TỬ**

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2020 TRUNG CẤP (T4)							
1	Cung cấp điện (ĐDT)	0714001676	Tự luận	90'		x	
2	Điện tử công suất (TĐH)	0714000039	Tự luận	90'		x	
3	Kỹ thuật lắp đặt điện (ĐCN)	0714001688	Tự luận	90'		x	
2021 TRUNG CẤP (T4)							
1	Cung cấp điện (ĐCN)	0714001076	Tự luận	90'		x	
2	Lập trình PLC (TĐH)	0714001674	Tự luận	90'		x	
3	Trang bị điện (ĐDT)	0714001683	Tự luận	90'		x	
2022 TRUNG CẤP (T4)							
1	Mạch điện (CĐT, ĐCN, ĐĐT)	0714001070	Tự luận	90'		x	
2	Máy điện (TĐH)	0714002072	Trắc nghiệm	60'		x	
2021 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Điện công nghiệp (ĐCN)	0211000036	Tự luận	90'		x	
2	Điện tử công nghiệp (ĐĐT)	0211000038	Tự luận	90'		x	
3	Điện tử công suất (ĐCN)	0211000039	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Điện tử tương tự (ĐĐT, TĐH)	0211001291	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Kỹ thuật cơ điện tử (CĐT)	0211001416	Tiểu luận				
6	Kỹ thuật điều khiển tự động (TĐH)	0211000378	Tự luận	90'		x	
7	Kỹ thuật lắp đặt điện (ĐĐT)	0211001419	Trắc nghiệm	60'		x	
8	Kỹ thuật Robot (CĐT, TĐH))	0211000373	Tiểu luận				
9	Lập trình PLC (ĐCN)	0211001287	Tự luận	90'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
10	Truyền động điện và ứng dụng (ĐCN)	0211000209	Tự luận	90'		x	
11	Tự động hóa quá trình công nghệ(ĐĐT)	0211000212	Tự luận	90'		x	
2021 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Điện tử công suất (CĐT)	0201000039	Tự luận	90'		x	
2	Hệ thống cơ điện tử (CĐT)	0201002810	Tiểu luận				
3	Kỹ thuật Robot (CĐT)	0201000373	Tiểu luận				
2021 CAO ĐẲNG CLC SONG HÀNH VINFAST (C5)							
1	Điện tử công suất (CĐT)	0220000039	Tự luận	90'		x	
2	Lập trình PLC(CĐT)	0220000891	Tự luận	90'		x	
3	Vi xử lý CĐT)	0220000222	Tự luận	90'		x	
2021 CAO ĐẲNG CLC LIÊN KẾT QUỐC TẾ (C7)							
1	Điện công nghiệp (ĐCN)	0222000036	Tự luận	90'		x	
2	Điện tử công suất (ĐCN)	0222000039	Tự luận	90'		x	
3	Quản lý tòa nhà thông minh(ĐCN)	0222003086	Tiểu luận				

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG


TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2023

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2022-2023
Khoa: NHIỆT - LẠNH**

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2020 TRUNG CẤP (T4)							
1	Bơm - Quạt - Máy nén (KML))	0714001659	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Chuyên đề máy lạnh (LĐL)	0714001878	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Điều hòa không khí ô tô (LĐL, KML,VSL)	0714001877	Thực hành	60'			
4	Thiết kế sơ bộ hệ thống điều hòa không khí (VSL)	0714002296	Tiểu luận				
5	Tính toán thiết bị trao đổi nhiệt (CNL)	0714002411	Tự luận	90'	x		
2021 TRUNG CẤP (T4)							
1	CAD ứng dụng chuyên ngành (KML)	0714002207	Thi trên máy tính	90'		x	
2	Kỹ thuật điều hòa không khí (VSL)	0714001656	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 TRUNG CẤP (T4)							
1	Cơ sở kỹ thuật Điện - Điện tử (KML, VSL)	0714002205	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Cơ sở kỹ thuật lạnh (KML, VSL)	0714002204	Trắc nghiệm	60'		x	
2021 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Chuyên đề máy lạnh (CNL, KML)	0211001435	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Điều hòa không khí ô tô (CNL, KML, VSL)	0211001429	Thực hành	60'			
3	Kỹ thuật sấy (CNL)	0211000090	Tự luận	90'	x		
4	Lò hơi (CNL)	0211000898	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Nhà máy nhiệt điện(CNL)	0211002415	Tự luận	90'	x		
6	Thiết kế kho lạnh (VSL)	0211000857	Tự luận	90'	x		
7	Thiết kế sơ bộ hệ thống điều hòa không khí (KML, VSL)	0211002296	Tiểu luận				
8	Thông gió và xử lý khí thải (KML)	0211002417	Trắc nghiệm	60'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
9	Tiết kiệm năng lượng trong hệ thống lạnh (VSL)	0211002412	Trắc nghiệm	60'		x	
10	Tự động hóa hệ thống lạnh (KML)	0211001440	Trắc nghiệm	60'		x	
11	Vận hành và bảo trì hệ thống lạnh (VSL)	0211000893	Trắc nghiệm	60'		x	



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2023

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2022-2023
Khoa: CƠ KHÍ**

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2020 TRUNG CẤP (T4)							
1	Kỹ thuật chế tạo 2 (CKC)	0714001882	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Máy cắt kim loại (CCK, CKC)	0714001652	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Máy cắt kim loại (CKL)	0714001634	Trắc nghiệm	60'		x	
2021 TRUNG CẤP (T4)							
1	Dung sai - Vẽ kỹ thuật (CNÔ)	0714002301	Tự luận	120'		x	
2022 TRUNG CẤP (T4)							
1	Vẽ kỹ thuật (CCK, CKC, CTM)	0714001350	Tự luận	120'		x	
2021 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Các phương pháp gia công cơ khí hiện đại (CCK)	0211002420	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Công nghệ chế tạo máy (CCK)	0211000861	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Kỹ thuật thủy lực - Khí nén (CCK)	0211001283	Tự luận	90'		x	
4	Nguyên lý - Chi tiết máy (CNÔ)	0211001472	Tự luận	90'	x		
5	Thiết kế CAD cơ bản (CCK, CTM)	0211001955	Tiểu luận				
2021 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Công nghệ chế tạo máy (CCK)	0201000861	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Công nghệ chế tạo máy (CĐT)	0201001412	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Lập trình CNC (CCK)	0201003068	Thi trên máy tính	120'		x	
4	Nguyên lý - Chi tiết máy (CĐT, CNÔ)	0201002184	Tự luận	90'	x		
5	Sức bền vật liệu (CNÔ)	0201000141	Tự luận	90'	x		

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 CAO ĐẲNG CLC SONG HÀNH VINFAST (C5)							
1	Công nghệ chế tạo máy (CĐT)	0220001412	Trắc nghiệm	60'		x	
2021 CAO ĐẲNG CLC TTTN NHẬT (C6)							
1	Nguyên lý - Chi tiết máy (CNÔ)	0221002184	Tự luận	90'	x		
2021 CAO ĐẲNG CLC LIÊN KẾT QUỐC TẾ (C7)							
1	Công nghệ chế tạo máy (CCK)	0222003079	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Thủy lực khí nén (Pneumatics and Hydraulics) (CCK)	0222003080	Tự luận	90'		x	

K. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2023

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2022-2023
Khoa: ĐỘNG LỰC**

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2022 TRUNG CẤP (T4)							
1	Động cơ đốt trong (CNÔ)	0714002075	Trắc nghiệm	60'		x	
2021 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Hệ thống phanh trên ô tô hiện đại (CNÔ)	0211001481	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Phần mềm chẩn đoán kỹ thuật ô tô (CNÔ)	0211002422	Tiểu luận				
3	Quản lý dịch vụ ô tô (CNÔ)	0211000135	Tiểu luận				
2021 CAO ĐẲNG CLC TTTN NHẬT (C6)							
1	Hệ thống phanh trên ô tô hiện đại (CNÔ)	0221001481	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Quản lý dịch vụ ô tô (CNÔ)	0221000135	Tiểu luận				

KT HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2023

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2022-2023
Khoa: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2020 TRUNG CẤP (T4)							
1	An toàn hệ thống mạng máy tính (ANM, QTM)	0714002304	Tiểu luận				
2	An toàn mạng trên Cisco (ANM)	0714001896	Tiểu luận				
3	Bảo mật hệ thống thông tin (ANM, CMT)	0714001752	Tiểu luận				
4	Biên tập phim với Premiere (TKĐ)	0714001891	Tiểu luận				
5	Chế bản với Indesign (TKĐ)	0714001863	Tiểu luận				
6	Công nghệ mạng không dây (CMT)	0714001766	Tiểu luận				
7	Công nghệ Multimedia (TKĐ)	0714002317	Tiểu luận				
8	Lập trình PHP (LTM)	0714001748	Thi trên máy tính	120'	x		
9	Lập trình PHP căn bản (TKW)	0714002722	Thi trên máy tính	120'	x		
10	Quản trị hệ thống mail server (QTM)	0714001757	Tiểu luận				
11	Quản trị mạng trên Linux (QTM)	0714001750	Tiểu luận				
12	Thiết kế đồ họa với Illustrator (ĐHĐ)	0714001828	Tiểu luận				
13	Thiết kế đồ họa với Illustrator (THU)	0714002202	Tiểu luận				
14	Xử lý sự cố phần mềm (CMT)	0714001504	Tiểu luận				
2021 TRUNG CẤP (T4)							
1	Điện tử cơ bản (CMT)	0714002916	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Kỹ thuật số(CMT)	0714002917	Trắc nghiệm	60'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
3	Kỹ thuật soạn thảo văn bản(THU)	0714002955	Tự luận	90'	x		
4	Linux căn bản (ANM)	0714002850	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Nghệ thuật chữ(TKĐ)	0714002969	Tiểu luận				
6	Thiết bị mạng (QTM)	0714002948	Tiểu luận				
7	Thiết kế sự kiện (ĐHĐ)	0714002931	Tiểu luận				
8	Thiết kế Web (ĐHĐ, LTM, THU, TKW)	0714002929	Thi trên máy tính	120'	x		
9	Thiết lập hệ thống mạng (QTM)	0714002946	Tiểu luận				
10	Tin học (CCK, CĐT, CKC, CNM, KXD, CN Ô, CTM, THĐ, ĐCN, ĐĐT, KLB, KML, KTD, LGT, TCD)	0714002070	Thi trên máy	90'		x	
11	Ý tưởng sáng tạo (TKĐ)	0714002871	Tiểu luận				

2022 TRUNG CẤP (T4)

1	Cơ sở dữ liệu (ĐHĐ, LTM, THU, TKW)	0714002845	Tự luận	90'		x	
2	Kỹ thuật lập trình (ANM, TKW, CMT, ĐHĐ, LTM, QTM)	0714002901	Tự luận	90'		x	
3	Mỹ thuật cơ bản (TKĐ)	0714002829	Tiểu luận				
4	Phần cứng và mạng máy tính (THU)	0714002867	Trắc nghiệm	60'		x	
12	Thiết kế đồ họa với Illustrator (TKĐ)	0714002968	Tiểu luận				
5	Tin học (ANM, CMT, ĐHĐ, LTM, QTM, THU, TKĐ, TKW)	0714002070	Thi trên máy	90'		x	

2021 CAO ĐẲNG (C1)

1	Công nghệ phần mềm (LTM)	0211003003	Tiểu luận				
2	Dựng video(TKĐ)	0211003108	Tiểu luận				
3	Lập trình ASP.Net (TKW)	0211003113	Tiểu luận				
4	Lập trình Java (LTM)	0211002859	Tiểu luận				
5	Lập trình mạng (TKW)	0211003002	Thi trên máy tính	120'	x		

STT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
6	Lập trình PHP (LTM, TKW)	0211002942	Tiểu luận				
7	Lập trình trên thiết bị di động (LTM)	0211002959	Thi trên máy tính	120'	x		
8	Linux căn bản (CMT)	0211002994	Trắc nghiệm	60'		x	
9	Quản trị mạng nâng cao trên Linux (QTM)	0211003011	Tiểu luận				
10	Quản trị mạng trên Microsoft (QTM)	0211003014	Tiểu luận				
11	Thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu (TKĐ)	0211003030	Tiểu luận				
12	Thiết kế quảng cáo (TKĐ)	0211002932	Tiểu luận				
13	Thiết kế sự kiện (TKĐ)	0211002931	Tiểu luận				
14	Xây dựng hạ tầng mạng (CMT)	0211002996	Tiểu luận				

2021 CAO ĐẲNG CLC (C3)

1	Công nghệ phần mềm (LTM)	0201000035	Tiểu luận				
2	Lập trình cơ sở dữ liệu(LTM)	0201002881	Thi trên máy tính	120'	x		
3	Lập trình Java(LTM)	0201002859	Tiểu luận				
4	Lập trình PHP(LTM)	0201002942	Tiểu luận				

2021 CAO ĐẲNG CLC LIÊN KẾT QUỐC TẾ (C7)

1	Bảo mật dữ liệu (Data Security) (LTM)	0222003094	Tiểu luận				
2	Big Data (LTM)	0222003093	Tiểu luận				
3	Công nghệ di động (Mobile Technology)(LTM)	0222003095	Thi trên máy tính	120'	x		
4	Lập trình cơ sở dữ liệu(LTM)	0222003092	Thi trên máy tính	120'	x		
5	Nhập môn Công nghệ phần mềm (LTM)	0222002858	Tiểu luận				


HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2023

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2022-2023
Khoa: MAY - THỜI TRANG**

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 TRUNG CẤP (T4)							
1	May trang phục 2 (CNM)	0714001714	Thực hành	225'			
2	Thiết kế mẫu trên máy tính (CNM)	0714002126	Thi trên máy tính	90'		x	
2022 TRUNG CẤP (T4)							
1	An toàn lao động (CNM)	0714001056	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Mỹ thuật trang phục (CNM)	0714002078	Trắc nghiệm	60'		x	
2021 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Công nghệ CAD ngành may (CNM)	0211002331	Thi trên máy tính	90'		x	
2	Phát triển mẫu trên mannequin (CNM)	0211001535	Thực hành	225'			
3	Quản lý đơn hàng (CNM)	0211000136	Tự luận	90'		x	
4	Thiết kế mẫu trên máy tính (CNM)	0211002442	Thi trên máy tính	90'		x	
5	Vẽ kỹ thuật ngành may (CNM)	0211001524	Tự luận	90'		x	

HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2023

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2022-2023**
Khoa: KINH TẾ

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2020 TRUNG CẤP (T4)							
1	Chiến lược và chính sách kinh doanh (QTD)	0714002226	Tự luận	90'	x		
2	Dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế (LGT)	0714002357	Tự luận	90'		x	
3	Điều hành chương trình du lịch (QNH)	0714002788	Tự Luận	90'	x		
4	Điều hành hoạt động hàng ngày trong nhà hàng (QNH)	0714002653	Tiểu luận	90'		x	
5	Kế toán trên Excel (KTD)	0714002146	Thi trên máy tính	120'		x	
6	Nghệ vụ chế biến món ăn (QKS)	0714002655	Thực hành	120'	x		
7	Nghệ vụ nhà hàng (KLB)	0714002791	Thực hành	90'		x	
8	Nghệ vụ phục vụ các loại tiệc (QNH)	0714002652	Thực hành	90'		x	
9	Phân tích báo cáo tài chính (QTD)	0714001906	Tự luận	90'	x		
10	Quản trị các dịch vụ giải trí (QDL)	0714002775	Tự luận	90'		x	
11	Quản trị doanh nghiệp (QDL)	0714002774	Tự luận	90'		x	
12	Quản trị lễ tân (QKS)	0714002748	Tự luận	90'		x	
13	Quản trị rủi ro tài chính (TCD)	0714001905	Tự luận	90'	x		
14	Quản trị tác nghiệp (KLB)	0714002790	Tự luận	90'	x		
15	Quản trị tác nghiệp (QTD)	0714001729	Tự luận	90'		x	
16	Quản trị thương mại điện tử (TMĐ)	0714002833	Tự luận	90'		x	
17	Tài chính công (KTD)	0714002341	Trắc nghiệm	60'		x	
18	Tài chính quốc tế (TCD)	0714002359	Trắc nghiệm	60'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
19	Tâm lý kinh doanh (KTD)	0714002286	Trắc nghiệm	60'		x	
20	Vận tải đa phương thức (LGT)	0714002354	Tự luận	90'		x	
2021 TRUNG CẤP (T4)							
1	Bao bì - Đóng gói hàng hóa (LGT)	0714002351	Tự luận	90'		x	
2	Kế toán doanh nghiệp (QTD, TCD)	0714001723	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Kế toán doanh nghiệp 2 (KTD)	0714002229	Tự luận	90'		x	
4	Kế toán hành chính sự nghiệp (KTD)	0714002338	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Marketing căn bản (QTD)	0714001100	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Marketing dịch vụ lưu trú (QKS)	0714002644	Tự luận	90'	x		
7	Nghiệp vụ buồng (QKS)	0714002745	Thực hành	90'		x	
8	Nghiệp vụ chế biến món ăn (QNH)	0714002738	Thực hành	120'	x		
9	Nghiệp vụ đặt bàn ăn trong nhà hàng (QNH)	0714002739	Thực hành	90'		x	
10	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch (QDL)	0714002768	Thực hành	90'	x		
11	Nghiệp vụ văn phòng (QLH)	0714002783	Tự luận	90'		x	
12	Quản trị du lịch MICE (QDL)	0714002767	Tự luận	90'		x	
13	Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử B2B và B2C (TMĐ)	0714002984	Tự luận	90'		x	
14	Quản trị Tài chính doanh nghiệp (TMĐ)	0714001724	Tự luận	90'		x	
15	Quản trị xuất nhập khẩu (LGT)	0714002047	Tự luận	90'		x	
16	Tài chính doanh nghiệp 2 (TCD)	0714001901	Tự luận	90'		x	
17	Tâm lý kinh doanh nhà hàng (KLB)	0714002552	Tự luận	90'		x	
18	Thuế (KTD)	0714002242	Trắc nghiệm	60'		x	
19	Xây dựng bài thuyết minh và xử lý tình huống (QLH)	0714002784	Thực hành			x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2022 TRUNG CẤP (T4)							
1	Bán lẻ điện tử (TMĐ)	0714002838	Tự luận	90'		x	
2	Dịch vụ chăm sóc khách hàng (QKS)	0714002530	Tư luận	90'	x		
3	Giao tiếp trong du lịch (QKS, QNH)	0714002529	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Kinh tế vi mô (TCD)	0714001721	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Kỹ thuật trang điểm, cắm hoa (QNH)	0714002537	Thực hành	90'		x	
6	Nghiệp vụ thanh toán (QDL)	0714002528	Tự luận	90'	x		
7	Nghiệp vụ thanh toán trong khách sạn (QKS)	0714002865	Tự luận	90'		x	
8	Nguyên lý kế toán (KTD)	0714002022	Trắc nghiệm	60'		x	
9	Pháp luật thương mại điện tử (TMĐ)	0714001988	Tự luận	90'	x		
10	Quản trị kho hàng (LGT)	0714002235	Tự luận	90'		x	
11	Quản trị văn phòng (QTD)	0714001728	Trắc nghiệm	60'		x	
12	Soạn thảo văn bản (KTD)	0714002080	Tự luận	90'		x	
13	Tài chính – tiền tệ (TCD)	0714002023	Trắc nghiệm	60'		x	
14	Thống kê du lịch (QDL)	0714002279	Trắc nghiệm	60'		x	
15	Thương phẩm và an toàn thực phẩm (KLB)	0714002527	Trắc nghiệm	60'		x	
16	Tổ chức sự kiện (QDL)	0714002534	Tiểu luận				
17	Văn hóa ẩm thực (KLB, QNH)	0714002536	Trắc nghiệm	60'		x	
2021 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế (LGT)	0211002460	Tự luận	90'		x	
2	Điều hành hoạt động hàng ngày trong nhà hàng (QNH)	0211002653	Tự luận	90'	x		
3	Điều hành vận tải (LGT)	0211002350	Tự luận	60'	x		
4	Hệ sinh thái thương mại điện tử (TMĐ)	0211002836	Tự luận	90'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
5	Kế toán doanh nghiệp (TCD)	0211001536	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Kế toán doanh nghiệp 3 (KTD)	0211002447	Tự luận	90'		x	
7	Kế toán hành chính sự nghiệp (KTD)	0211002338	Trắc nghiệm	60'		x	
8	Kế toán ngân hàng (KTD)	0211002230	Tự luận	90'		x	
9	Kế toán quản trị (KTD)	0211002340	Trắc nghiệm	60'		x	
10	Kế toán thương mại dịch vụ (KTD)	0211001735	Trắc nghiệm	60'		x	
11	Kế toán trên phần mềm Misa (KTD)	0211002449	Thi trên máy tính	120'		x	
12	Kinh doanh quốc tế (QTD)	0211002457	Trắc nghiệm	60'		x	
13	Kinh tế vĩ mô (KTD)	0211002052	Trắc nghiệm	60'		x	
14	Kỹ năng giám sát (KLB)	0211002602	Tự luận	90'	x		
15	Kỹ thuật trang điểm, cắm hoa (QNH)	0211002537	Thực hành	90'		x	
16	Marketing dịch vụ lưu trú (QKS)	0211002644	Tiểu luận				
17	Nghệp vụ lễ tân trong khách sạn (QKS)	0211002641	Thực hành	90'	x		
18	Nghệp vụ buồng (QKS)	0211002642	Thực hành	90'	x		
19	Nghệp vụ chế biến món ăn (QNH)	0211002655	Thực hành	120'	x		
20	Nghệp vụ chế biến món ăn trong khách sạn (QKS)	0211002643	Thực hành	120'	x		
21	Nghệp vụ hải quan (LGT)	0211002356	Trắc nghiệm	60'		x	
22	Nghệp vụ ngân hàng (TCD)	0211002633	Trắc nghiệm	60'		x	
23	Nghệp vụ nhà hàng (KLB)	0211002601	Thực hành	90'		x	
24	Nghệp vụ phục vụ các loại tiệc (QNH)	0211002652	Thực hành	90'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
25	Nhận thức về hàng hóa nguy hiểm (LGT)	0211002465	Tự luận	90'		x	
26	Phân tích báo cáo tài chính (TCD)	0211002225	Tự luận	90'	x		
27	Quản lý chất lượng (KLB)	0211002597	Trắc nghiệm	60'		x	
28	Quản trị bán hàng và phân phối sản phẩm (TMĐ)	0211002835	Tự luận	90'		x	
29	Quản trị chất lượng (QTD)	0211002458	Tự luận	90'		x	
30	Quản trị chuỗi cung ứng (QTD)	0211002455	Tự luận	90'		x	
31	Quản trị chuỗi cung ứng trong thương mại điện tử (TMĐ)	0211002900	Tự luận	90'		x	
32	Quản trị dự án đầu tư (QTD)	0211002234	Tự luận	90'		x	
33	Quản trị Logistics (LGT)	0211002463	Tự luận	90'	x		
34	Quản trị nhà hàng (QNH)	0211002651	Tự luận	90'	x		
35	Quản trị rủi ro tài chính (TCD)	0211001905	Tự luận	90'	x		
36	Quản trị rủi ro thương mại điện tử (TMĐ)	0211003126	Tự luận	90'	x		
37	Quản trị tác nghiệp (KLB)	0211002600	Tự luận	90'	x		
38	Quản trị tác nghiệp (QTD)	0211002140	Tự luận	90'		x	
39	Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử B2B và B2C (TMĐ)	0211002984	Tự luận	90'		x	
40	Quản trị tài chính (KTD)	0211002043	Tự luận	90'		x	
41	Quản trị tiệc trong nhà hàng (QNH)	0211002654	Tự luận	90'		x	
42	Quản trị xuất nhập khẩu (QTD)	0211002047	Tự luận	90'	x		
43	Rủi ro bảo hiểm (LGT)	0211002461	Trắc nghiệm	60'		x	
44	Sinh lý dinh dưỡng (QNH)	0211002538	Trắc nghiệm	60'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
45	Tài chính công (KTD)	0211002341	Trắc nghiệm	60'		x	
46	Tài chính doanh nghiệp 2 (TCD)	0211001901	Tự luận	90'		x	
47	Tâm lý khách du lịch (QKS)	0211002278	Trắc nghiệm	60'		x	
48	Thẩm định tín dụng (TCD)	0211002635	Tự luận	90'	x		
49	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư (QTD)	0211002232	Tự luận	90'		x	
50	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư (TCD)	0211002346	Tự luận	90'		x	
51	Thuế xuất nhập khẩu (LGT)	0211002467	Trắc nghiệm	60'		x	
52	Thương mại di động (TMĐ)	0211003123	Tự luận	90'	x		
53	Văn hóa ẩm thực (QKS)	0211002536	Trắc nghiệm	60'		x	
54	Văn hóa doanh nghiệp (QTD)	0211002241	Tự luận	90'		x	
55	Vận tải đa phương thức (LGT)	0211002462	Tự luận	90'		x	

KI HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2023

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2022-2023
Khoa: XÂY DỰNG

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 TRUNG CẤP (T4)							
1	An toàn lao động (KXD)	0714001820	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Cơ học xây dựng (KXD)	0714002099	Tự luận	90'	x		
3	Hệ thống điện, nước và thiết bị chống sét (KXD)	0714002104	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 TRUNG CẤP (T4)							
1	Trắc địa đại cương (KXD)	0714002088	Tự luận	60'	x		
2021 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Đấu thầu và tổ chức đấu thầu (KXD)	0211002109	Trắc nghiệm	60'	x		
2	Hệ thống điện, nước và thiết bị chống sét (KXD)	0211002104	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Kiến trúc công trình (KXD)	0211002063	Tự luận	60'	x		
4	Kinh tế xây dựng (KXD)	0211002478	Tự luận	60'	x		
5	Tổ chức thi công (KXD)	0211001844	Tự luận	90'		x	

KIẾU TRƯỞNG
PHÓ KIẾU TRƯỞNG

TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2023

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2022-2023
Khoa: LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2022 TRUNG CẤP (T4)							
1	Giáo dục chính trị (các lớp)	0714001981	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Pháp luật (các lớp)	0714001982	Trắc nghiệm	60'		x	
2021 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Pháp luật (CCK, CMT, CNÔ, CTM,, LTM, QTM, TKW, TKĐ)	0211002396	Trắc nghiệm	60'		x	
2021 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Pháp luật (CCK, CNÔ, LTM)	0201002396	Trắc nghiệm	60'		x	
2021 CAO ĐẲNG CLC TTTN TẠI NHẬT (C6)							
1	Pháp luật (CNÔ)	0221002396	Trắc nghiệm	60'		x	
2021 CAO ĐẲNG CLC LIÊN KẾT QUỐC TẾ (C7)							
1	Giáo dục chính trị (CCK, LTM, ĐCN, NNA)	0222001967	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Pháp luật (CCK, LTM, ĐCN, NNA)	0222002396	Trắc nghiệm	60'		x	

HIỆU TRƯỞNG
PH. HIỆU TRƯỞNG
TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2023

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2022-2023
Khoa: KHOA HỌC CƠ BẢN**

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2020 TRUNG CẤP (T4)							
1	Hóa học 4 (ANM, LTM, CCK, CKL, CĐT, CKC, CMT, CNL, LDL, CNM, KXD, CN Ô, ĐCN, ĐĐT, CĐ, ĐHĐ, KLB, KML, KTD, QTD, TCD, TMĐ, LGT, NNA, QKS, QTM, TĐH, THU, VSL, TKW, TKĐ)	0714001618	Tự luận	90'		x	
2	Lịch Sử 3 (QDL, QLH)	0714002762	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Ngữ văn 6 (QDL, QLH)	0714002764	Tự luận	90'		x	
4	Tiếng Anh Đàm phán (NNA)	0714002086	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Tiếng Hoa (NNA)	0714002373	Trắc nghiệm	60		x	
6	Toán 6 (ANM, LTM, CCK, CKL, CĐT, CKC, CMT, CNL, LDL, CNM, KXD, CN Ô, ĐCN, ĐĐT, CĐ, ĐHĐ, KLB, KML, KTD, QTD, TCD, TMĐ, LGT, NNA, QKS, QTM, TĐH, THU, VSL, TKW, TKĐ)	0714001619	Tự luận	90'		x	
7	Toán 6 (QDL, QLH)	0714002763	Tự luận	90'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 TRUNG CẤP (T4)							
1	Địa Lý 3 (QDL, QLH)	0714002757	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Hóa học 2 (ANM, CCK, CĐT, CKC, CMT, CNM, KXD, CNÔ, CTM, TĐH, D8CN, ĐĐT, ĐHD, KLB, KML, KTD, LGT, TCD, LTM, NNA, NTN, NHQ, QKS, QTD, QNH, QTM, THU, TKĐ, TKW, TMW, VSL)	0714001611	Tự luận	90'		x	
3	Hóa học 2 (QDL, QLH)	0714002755	Tự luận	90'		x	
4	Lịch Sử 1 (QDL, QLH)	0714002758	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Ngữ văn 4 (ANM, CCK, CĐT, CKC, CMT, CNM, KXD, CNÔ, CTM, TĐH, D8CN, ĐĐT, ĐHD, KLB, KML, KTD, LGT, TCD, LTM, NNA, NTN, NHQ, QKS, QTD, QNH, QTM, THU, TKĐ, TKW, TMW, VSL)	0714001614	Tự luận	90'		x	
6	Ngữ Văn 4 (QDL, QLH)	0714002756	Tự luận	90'		x	
7	Tiếng Anh Kinh doanh (NNA)	0714001704	Trắc nghiệm	60'		x	
8	Tiếng Anh Thuyết trình (NNA)	0714002087	Vấn đáp	120		x	
9	Toán 4 (ANM, CCK, CĐT, CKC, CMT, CNM, KXD, CNÔ, CTM, TĐH, D8CN, ĐĐT, ĐHD, KLB, KML, KTD, LGT, TCD, LTM, NNA, NTN, NHQ, QKS, QTD, QNH, QTM, THU, TKĐ, TKW, TMW, VSL)	0714001612	Tự luận	90'		x	
10	Toán 4 (QDL, QLH)	0714002754	Tự luận	90'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
11	Vật lý 3 (ANM, CCK, CĐT, CKC, CMT, CNM, KXD, CNÔ, CTM, TĐH, D8CN, ĐĐT, ĐHĐ, KLB, KML, KTD, LGT, TCD, LTM, NNA, NTN, NHQ, QKS, QTD, QNH, QTM, THU, TKĐ, TKW, TMW, VSL)	0714001613	Trắc nghiệm	60'		x	
12	Viết Tiếng Hàn (NHQ)	0714003035	Tự luận	60'		x	
13	Viết Tiếng Nhật (NTN)	0714003050	Tự luận	60'		x	

2022 TRUNG CẤP (T4)

1	Cở sở Văn hóa Việt Nam (NTN, NHQ)	0714002779	Tự luận	60'		x	
2	Ngữ pháp Tiếng Anh 2 (NNA)	0714002557	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Ngữ pháp tiếng Hàn 2(NHQ)	0714003033	Tự luận	60'		x	
4	Ngữ pháp Tiếng Nhật 2 (NTN)	0714003046	Trắc nghiệm	60'		x	

2021 CAO ĐẲNG (C1)

1	Tiếng Anh Đàm phán (NNA)	0211001584	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Tiếng Anh Logistics (NNA)	0211002611	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Tiếng Anh Quản trị (NNA)	0211002610	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Tiếng Hoa (NNA)	0211002474	Trắc nghiệm	60'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 CAO ĐẲNG CLC LIÊN KẾT QUỐC TẾ (C7)							
1	Kỹ năng nghề nghiệp (Preparing to Work) (NNA)	0222003102	Tiểu luận	60'		x	
2	Kỹ năng viết trong công sở (Writing for Employability) (NNA)	0222003101	Tự luận	60'		x	
3	Tiếng Anh Quản trị (NNA)	0222002610	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Tiếng Hoa (NNA)	0222002474	Trắc nghiệm	60'		x	


HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Đinh Văn Đệ